

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN MEKONG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 26
8. Phụ lục	27

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thủy sản Mekong được thành lập theo Quyết định số 592/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 02 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Cần Thơ về việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước - Xí nghiệp chế biến nông sản thực phẩm thuộc Công ty nông sản thực phẩm xuất khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000016 ngày 28 tháng 02 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28 tháng 01 năm 2004 về việc thay đổi địa chỉ Công ty.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13 tháng 09 năm 2005 về việc giảm vốn Nhà nước.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 12 năm 2006, lần thứ 4 ngày 10 tháng 10 năm 2007, lần thứ 5 ngày 03 tháng 01 năm 2008 và lần thứ 6 ngày 01 tháng 12 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỉ lệ (%)</u>
A/ Cổ đông sáng lập	1.188.952	11.889.520.000	10,48
1. Lương Hoàng Mạnh	331.970	3.319.700.000	2,93
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	264.600	2.646.000.000	2,33
3. Nguyễn Thị Chính	259.000	2.590.000.000	2,28
4. Trần Thị Bé Năm	203.280	2.032.800.000	1,79
5. Ngô Thị Thỏ	130.102	1.301.020.000	1,15
B/ Cổ đông khác	10.150.912	101.509.120.000	89,52
Cộng	11.339.864	113.398.640.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 24 – Khu công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
Điện thoại : (0710) 3.841.294
Fax : (0710) 3.841.192
E-mail : mkf@hcm.vnn.vn
Website : www.mekongfish.vn
Mã số thuế : 1800448811

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nhập khẩu nguyên liệu nông sản, thủy sản, hoá chất và các phụ liệu khác phục vụ cho ngành chế biến nông, thủy sản; Đầu tư tài chính; Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức năm 2009 cho các cổ đông với tổng số tiền là 17.009.796.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mạnh	Chủ tịch	15 tháng 3 năm 2008	-
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Chủ tịch	15 tháng 3 năm 2008	-
3. Nguyễn Thị Chính	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-
4. Trần Thị Bé Năm	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-
5. Ngô Thị Thỏ	Ủy viên	15 tháng 3 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Dương Thị Lệ Thúy	Trưởng ban	24 tháng 3 năm 2010	-
2. Nguyễn Kim Phượng	Thành viên	24 tháng 3 năm 2010	-
3. Lê Yến Nhi	Thành viên	24 tháng 3 năm 2010	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1. Lương Hoàng Mạnh	Giám đốc	15 tháng 3 năm 2008	-
2. Nguyễn Hoàng Nhơn	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
3. Nguyễn Thị Chính	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
4. Tăng Tuấn Anh	Phó Giám đốc	07 tháng 7 năm 2008	-
5. Trần Thị Bé Năm	Kế toán trưởng	07 tháng 7 năm 2008	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

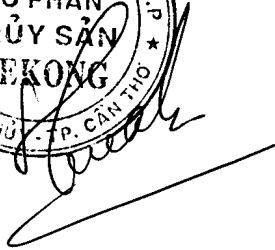

47448
CÔNG TY
HỮU
KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2010


C. T. I. N. H. H.
MINH



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0780/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN MEKONG

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần thủy sản Mekong gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 17 tháng 07 năm 2010, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Hữu Danh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1242/KTV

S.Đ.K.K.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		269.373.162.354	279.226.997.163
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		104.735.834.338	128.442.791.176
1.	Tiền	111	V.1	48.591.034.338	38.884.091.176
2.	Các khoản tương đương tiền	112	V.1	56.144.800.000	89.558.700.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		108.690.361.450	78.882.577.018
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	85.038.044.912	67.475.945.617
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	5.946.166.538	4.965.219.901
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.4	17.706.150.000	6.441.411.500
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		47.890.344.248	52.216.472.279
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	47.890.344.248	52.216.472.279
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		8.056.622.318	19.685.156.690
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.838.236.516	4.189.762.063
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	267.891.859	78.979.034
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	5.950.493.943	15.416.415.593

04/10/2010
 CHỨC
 KIỂM
 T
 17/11

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.753.496.859	84.707.948.245
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		73.507.932.746	73.133.800.768
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	40.973.779.251	41.791.625.661
	<i>Nguyên giá</i>	222		68.312.585.008	65.624.970.572
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(27.338.805.757)	(23.833.344.911)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	19.024.964.300	19.024.964.300
	<i>Nguyên giá</i>	228		19.758.224.300	19.758.224.300
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(733.260.000)	(733.260.000)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	13.509.189.195	12.317.210.807
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		4.773.127.310	10.101.710.674
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	6.406.467.310	14.473.026.574
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.12	(1.633.340.000)	(4.371.315.900)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1.472.436.803	1.472.436.803
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.472.436.803	1.472.436.803
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		349.126.659.213	363.934.945.408

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		36.287.657.776	59.602.228.739
I. Nợ ngắn hạn		310		28.040.619.932	50.484.218.677
1. Vay và nợ ngắn hạn		311		-	-
2. Phải trả người bán		312	V.14	4.589.527.713	22.459.081.069
3. Người mua trả tiền trước		313	V.15	1.297.653.488	2.033.374.131
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.16	13.656.542.634	10.236.507.642
5. Phải trả người lao động		315	V.17	855.858.282	2.655.385.758
6. Chi phí phải trả		316	V.18	441.408.161	2.395.024.145
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.19	791.149.525	829.536.831
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.20	6.408.480.129	9.875.309.101
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		8.247.037.844	9.118.010.062
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.21	1.083.000.000	1.073.000.000
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.22	6.930.000.000	7.703.031.218
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.23	234.037.844	341.978.844
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		312.839.001.437	304.332.716.669
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.24	312.839.001.437	304.332.716.669
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.24	113.398.640.000	113.398.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.24	152.960.690.000	152.960.690.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.24	1.287.760.139	1.287.760.139
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416	V.24	(1.439.454.074)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.24	5.837.847.302	5.837.847.302
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.24	5.989.282.986	6.016.669.611
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.24	34.804.235.084	24.831.109.617
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		349.126.659.213	363.934.945.408

Báo cáo này phải được đọc cùng với bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

48-C...
TY
HỮU HẠI
Y VÀ
N
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại:			-	-
- EURO (EUR)			357,53	107,41
- Dollar Mỹ (USD)			1.683.456,10	1.331.089,10
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Cần Thơ, ngày 17 tháng 07 năm 2010



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	241.074.991.184	221.182.266.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.876.621.124	8.670.583.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	232.198.370.060	212.511.683.493
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	186.466.811.761	175.133.374.366
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.731.558.299	37.378.309.127
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.845.452.984	39.783.592.220
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.336.772.138	24.568.862.615
Trong đó: chi phí lãi vay	23		372.348.374	131.172.915
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	19.810.335.557	16.978.457.765
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5.308.914.541	5.024.519.199
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.120.989.047	30.590.061.768
11. Thu nhập khác	31	VI.7	225.696.560	442.785.741
12. Chi phí khác	32	VI.8	102.489.217	119.961.249
13. Lợi nhuận khác	40		123.207.343	322.824.492
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.244.196.390	30.912.886.260
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4.561.351.424	5.864.382.590
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(1.012.643.637)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27.682.844.966</u>	<u>26.061.147.307</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.441</u>	<u>3.217</u>



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

Cần Thơ, ngày 17 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.244.196.390	30.912.886.260
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8	3.512.306.071	2.119.879.874
- Các khoản dự phòng	03	V.12	(2.737.975.900)	(29.260.306.570)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	3.924.829.116
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.555.469.352)	(1.183.490.240)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	372.348.374	131.172.915
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.835.405.583	6.644.971.355
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.782.749.823)	(21.043.113.461)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.326.128.031	(9.344.695.707)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(22.742.101.295)	12.364.205.946
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	107.079.995
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.18, VI.4	(391.367.239)	(131.172.915)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(1.178.792.037)	(991.997.123)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.21	10.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.20	(3.900.289.096)	(854.787.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(11.823.765.876)	(13.249.509.410)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.10	(3.902.592.824)	(2.057.468.891)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.11	(352.054.273.660)	(8.074.951.302)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.11	358.986.991.000	23.979.690.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	3.705.466.051	1.183.490.240
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.735.590.567	15.030.760.047

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

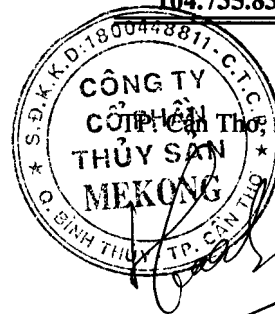
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		26.900.000.000	27.410.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(27.673.031.218)	(27.410.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(17.009.796.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.782.827.218)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(22.871.002.527)	1.781.250.637
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		128.442.791.176	62.523.760.431
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(835.954.311)	581.075.180
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		104.735.834.338	64.886.086.248

Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu

Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nhập khẩu nguyên liệu nông sản, thủy sản, hoá chất và các phụ liệu khác phục vụ cho ngành chế biến nông, thủy sản; Đầu tư tài chính; Kinh doanh địa ốc, bất động sản và văn phòng cho thuê.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam .
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

8-C
Y
DU HI
VÀ
N
HI

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10
Máy móc và thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với các hoạt động được hưởng ưu đãi: áp dụng thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm kể từ ngày 01/01/2004.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các hoạt động không được hưởng ưu đãi: áp dụng thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Ngoài ra Công ty còn được hưởng các ưu đãi bổ sung như sau:

- Giảm 50% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được trong các trường hợp:
 - + Xuất khẩu mặt hàng mới có tính năng kinh tế - kỹ thuật, tính năng sử dụng khác với mặt hàng trước đây đã xuất khẩu.
 - + Xuất khẩu ra thị trường một quốc gia mới hoặc lãnh thổ mới khác với thị trường trước đây.
- Giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước.
- Giảm 20% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm tài chính đối với các trường hợp:
 - + Có doanh thu xuất khẩu đạt tỉ trọng trên 50% tổng doanh thu.
 - + Duy trì thị trường xuất khẩu ổn định về số lượng hoặc giá trị hàng hoá xuất khẩu trong ba năm liên tục trước đó.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

ATOP
C
RÁCH
KIỂM
T
NIT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
30/06/2010 : 18.544 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở phần thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6.639.220	5.391.038
Tiền gửi ngân hàng	48.584.395.118	38.878.700.138
Các khoản tương đương tiền (*)	56.144.800.000	89.558.700.000
Cộng	104.735.834.338	128.442.791.176

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	1.302.984.535	1.261.834.651
Khách hàng nước ngoài	83.735.060.377	66.214.110.966
Cộng	85.038.044.912	67.475.945.617

3. Trả trước cho người bán

Khoản trả trước các nhà cung cấp trong nước.

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các Đại lý cá	17.483.750.000	6.398.000.000
Phải thu khác	222.400.000	43.411.500
Cộng	17.706.150.000	6.441.411.500

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	842.992.221	2.039.765.500
Công cụ, dụng cụ	1.190.411.451	455.231.483
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.449.866.056	9.128.308.057
Thành phẩm	27.407.074.520	40.593.167.239
Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng	47.890.344.248	52.216.472.279

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế tạm nộp hàng nhập khẩu tái xuất	260.945.397	4.744.905
Thuế xuất nhập khẩu	6.653.272	4.998.469
Thuế tài nguyên	293.190	285.660
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	68.950.000
Cộng	267.891.859	78.979.034

7. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản nhân viên tạm ứng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.219.111.577	50.284.820.537	573.311.490	547.726.968	65.624.970.572
Mua sắm mới	40.921.185	321.374.680	1.207.898.545	-	1.570.194.410
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.102.600	1.123.317.426	-	-	1.140.420.026
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(23.000.000)	-	(23.000.000)
Số cuối kỳ	14.277.135.362	51.729.512.643	1.758.210.035	547.726.968	68.312.585.008
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.143.195.175	7.655.840.990	550.311.490	260.088.353	14.609.436.008
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.285.930.799	15.621.239.909	557.156.715	369.017.488	23.833.344.911
Khấu hao trong kỳ	462.179.172	2.990.200.550	33.244.931	26.681.418	3.512.306.071
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.845.225)	-	(6.845.225)
Số cuối kỳ	7.748.109.971	18.611.440.459	583.556.421	395.698.906	27.338.805.757
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.933.180.778	34.663.580.628	16.154.775	178.709.480	41.791.625.661
Số cuối kỳ	6.529.025.391	33.118.072.184	1.174.653.614	152.028.062	40.973.779.251
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 25.069.616.359 VND và 24.701.028.015 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ.

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	19.758.224.300	733.260.000	19.024.964.300
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	19.758.224.300	733.260.000	19.024.964.300

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	10.950.000.000	1.249.853.507	-	12.199.853.507
XDCB dở dang	1.367.210.807	1.082.544.907	(1.140.420.026)	1.309.335.688
Cộng	12.317.210.807	2.332.398.414	(1.140.420.026)	13.509.189.195

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của các Công ty sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long	3.250.000.000	3.250.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty cổ phần phát triển đô thị Kinh Bắc	-	2.519.517.000
Công ty cổ phần thuốc sát trùng Cần Thơ	-	4.100.000.000
Các công ty khác	656.467.310	2.103.509.574
Cộng	<u>6.406.467.310</u>	<u>14.473.026.574</u>

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	4.371.315.900
Trích lập trong kỳ	-
Hoàn nhập trong kỳ	<u>(2.737.975.900)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.633.340.000</u>

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

14. Phải trả người bán

Khoản phải trả các nhà cung cấp trong nước.

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng trong nước	-	255.654.264
Khách hàng nước ngoài	1.297.653.488	1.777.719.867
Cộng	<u>1.297.653.488</u>	<u>2.033.374.131</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(4.744.905)	-	(256.200.492)	(260.945.397)
Thuế xuất nhập khẩu(*)	(4.998.469)	-	(1.654.803)	(6.653.272)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.154.942.824	4.561.351.424	(1.178.792.037)	13.537.502.211
Thuế thu nhập cá nhân	81.564.818	90.380.340	(75.554.735)	96.390.423
Thuế tài nguyên (*)	(285.660)	719.730	(727.260)	(293.190)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(68.950.000)	114.250.000	(22.650.000)	22.650.000
Các khoản thuế khác	-	6.078.571	(6.078.571)	-
Cộng	<u>10.157.528.608</u>	<u>4.772.780.065</u>	<u>(1.541.657.898)</u>	<u>13.388.650.775</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh số V.6).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu:	0%
- Các mặt hàng thủy sản, phụ phẩm cá:	5%
- Dịch vụ cho thuê kho, bán phế liệu:	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.244.196.390	30.912.886.260
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.684.259	3.924.872.098
- Các khoản điều chỉnh giảm	(142.350.000)	(617.495.482)
Tổng thu nhập chịu thuế	32.105.530.649	34.220.262.876
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động được ưu đãi	19.800.178.505	15.375.332.163
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động không ưu đãi	12.305.352.144	18.844.930.713
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất của hoạt động được ưu đãi	15%	15%
- Thuế suất của hoạt động không ưu đãi	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	6.046.364.812	7.017.532.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.485.013.388)	(1.153.149.912)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.561.351.424	5.864.382.590

Tiền thuê đất

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với Công ty phát triển Khu công nghiệp Cần Thơ theo hợp đồng thuê đất số 17/HĐ/TLĐ.KCNCT/2003, ngày 01/12/2003:

- Diện tích đất thuê làm văn phòng: 27.562 m²
- Thời hạn thuê: 45 năm kể từ ngày 01/01/2001
- Tiền thuê được trả hàng năm theo mức: 1.862 VND/m²/năm

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 06/2010 còn phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí xuất hàng	21.913.545	2.088.562.404
Tiền công thuê ngoài	382.932.857	253.359.085
Chi phí lãi vay	-	19.018.865
Chi phí khác	36.561.759	34.083.791
Cộng	<u>441.408.161</u>	<u>2.395.024.145</u>

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	119.891.200	295.287.667
Kinh phí công đoàn	513.540.325	434.676.290
Phải trả khác	157.718.000	99.572.874
Cộng	<u>791.149.525</u>	<u>829.536.831</u>

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.942.142.115	474.540.062	(3.765.696.906)	-	650.985.271
Quỹ phúc lợi	5.933.166.986	-	(134.592.190)	(41.079.938)	5.757.494.858
Cộng	<u>9.875.309.101</u>	<u>474.540.062</u>	<u>(3.900.289.096)</u>	<u>(41.079.938)</u>	<u>6.408.480.129</u>

21. Phải trả dài hạn khác

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

22. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với lãi suất 10,5%/năm và được hưởng lãi suất hỗ trợ 4%/năm trong thời gian 24 tháng để đầu tư kho lạnh và dây chuyền cấp đông. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản với tổng trị giá là 28.000.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	7.703.031.218
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(773.031.218)
Số cuối kỳ	<u>6.930.000.000</u>

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	341.978.844
Số trích lập trong kỳ	-
Số chi trong kỳ	(107.941.000)
Số cuối kỳ	<u>234.037.844</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm trang 28.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Trả cổ tức năm trước 17.009.796.000

Tạm ứng cổ tức

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.339.864	11.339.864
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng (*)	11.339.864	11.339.864
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.339.864	11.339.864
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.339.864	11.339.864
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.339.864	11.339.864
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty:

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	241.074.991.184	221.182.266.693
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	241.012.443.547	221.105.564.873
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	62.547.637	76.701.820
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(8.876.621.124)	(8.670.583.200)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(3.981.620.881)	(1.403.389.200)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(4.895.000.243)	(7.267.194.000)
Doanh thu thuần	232.198.370.060	212.511.683.493

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Trong đó:</i>			
-	<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	232.135.822.423	212.434.981.673
-	<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	62.547.637	76.701.820
2. Giá vốn hàng bán			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	134.233.911.703	146.363.690.869
	Chi phí nhân công trực tiếp	10.495.069.966	9.620.267.514
	Chi phí sản xuất chung	28.551.737.373	22.672.610.193
	Tổng chi phí sản xuất trong kỳ	173.280.719.042	178.656.568.576
	Cộng: Chi phí SXKD dở dang đầu năm	-	4.328.581.238
	Trừ: Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ	-	(6.154.116.460)
	Giá thành sản xuất trong kỳ	173.280.719.042	176.831.033.354
	Cộng: Thành phẩm tồn kho đầu năm	40.593.167.239	43.574.801.285
	Cộng: Thành phẩm nhập khác	-	-
	Trừ: Thành phẩm tồn kho cuối kỳ	(27.407.074.520)	(45.272.460.273)
	Giá vốn hàng bán	186.466.811.761	175.133.374.366
3. Doanh thu hoạt động tài chính			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.006.464.051	111.765.007
	Lãi tiền gửi không kỳ hạn	340.511.547	1.423.841.743
	Lãi tiền cho vay đã thu	556.652.000	307.724.108
	Lãi đầu tư chứng khoán	2.323.229.142	764.001.125
	Lãi bán ngoại tệ	150.000.000	121.800.000
	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.588.270.344	7.256.563.386
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	142.350.000	617.452.500
	Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.737.975.900	29.180.444.351
	Cộng	15.845.452.984	39.783.592.220
4. Chi phí tài chính			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Chi phí lãi vay	372.348.374	131.172.915
	Thủ tục phí bán chứng khoán	66.505.891	41.245.486
	Lỗ đầu tư chứng khoán	3.457.071.066	19.388.003.751
	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	440.129.208	1.083.611.347
	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.924.829.116
	Chi phí tài chính khác	717.599	-
	Cộng	4.336.772.138	24.568.862.615
5. Chi phí bán hàng			
Chi phí dịch vụ mua ngoài.			

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.107.832.103	2.279.543.075
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.519.242	44.553.169
Thuế, phí và lệ phí	260.236.265	101.555.669
Chi phí khác	2.924.326.931	2.598.867.286
Cộng	5.308.914.541	5.024.519.199

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu hỗ trợ hàng xuất khẩu	104.045.533	362.425.717
Hoàn nhập dự phòng	-	71.636.183
Thu nhập khác	121.651.027	8.723.841
Cộng	225.696.560	442.785.741

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thuê đất các năm trước	68.950.000	90.600.000
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	16.154.775	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.684.259	-
Chi phí khác	13.700.183	29.361.249
Cộng	102.489.217	119.961.249

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.682.844.966	26.061.147.307
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.682.844.966	26.061.147.307
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.339.864	8.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.441	3.217

18.
 19.
 20.
 21.
 22.
 23.
 24.
 25.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	137.866.043.126	148.073.024.793
Chi phí nhân công	13.691.397.413	12.965.996.603
Chi phí dụng cụ	9.645.675.509	8.710.318.163
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.512.306.071	1.907.203.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.810.335.557	16.978.457.765
Chi phí khác	13.613.975.199	10.135.461.924
Cộng	198.139.732.875	198.770.462.873

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	347.827.936	487.702.092
Phụ cấp	109.800.000	54.687.000
Cộng	457.627.936	542.389.092

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



ngày 17 tháng 07 năm 2010

Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Địa chỉ: Lô 24, Khu Công nghiệp Trà Nóc, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

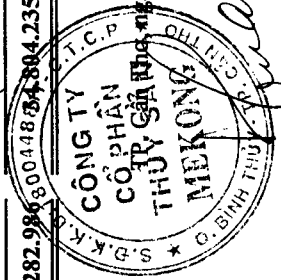
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	81.000.000.000	177.260.000.000	1.287.760.139	5.837.847.302	3.363.619.240	9.009.636.177	277.758.862.858
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	52.513.274.925	52.513.274.925
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	2.653.050.371	(10.612.201.485)	(7.959.151.114)
Tăng vốn từ lợi nhuận	8.099.330.000	-	-	-	-	(8.099.330.000)	-
Tăng vốn từ thặng dư	24.299.310.000	(24.299.310.000)	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(17.820.670.000)	(17.820.670.000)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(159.600.000)	(159.600.000)
Số dư cuối năm trước	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	5.837.847.302	6.016.669.611	24.831.109.617	304.332.716.669
Số dư đầu năm nay	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	5.837.847.302	6.016.669.611	24.831.109.617	304.332.716.669
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	27.682.844.966	27.682.844.966
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ thặng dư	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(17.009.796.000)	(17.009.796.000)
Điều chỉnh tăng, giảm quỹ	-	-	-	-	(27.386.625)	(406.073.499)	(433.460.124)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(293.850.000)	(293.850.000)
Số dư cuối kỳ	113.398.640.000	152.960.690.000	1.287.760.139	5.837.847.302	5.989.282.986	24.831.109.617	314.278.455.511



Nguyễn Hoàng Anh
Người lập biểu



Trần Thị Bé Năm
Kế toán trưởng



Ngày 17 tháng 07 năm 2010



Lương Hoàng Mạnh
Giám đốc